

414.1010327

MV

記号	年月日	内容	担当
A	9/11/19	R側肩R変更のため	石田
B	2000.5.17	追記 FL 加工符号	中野

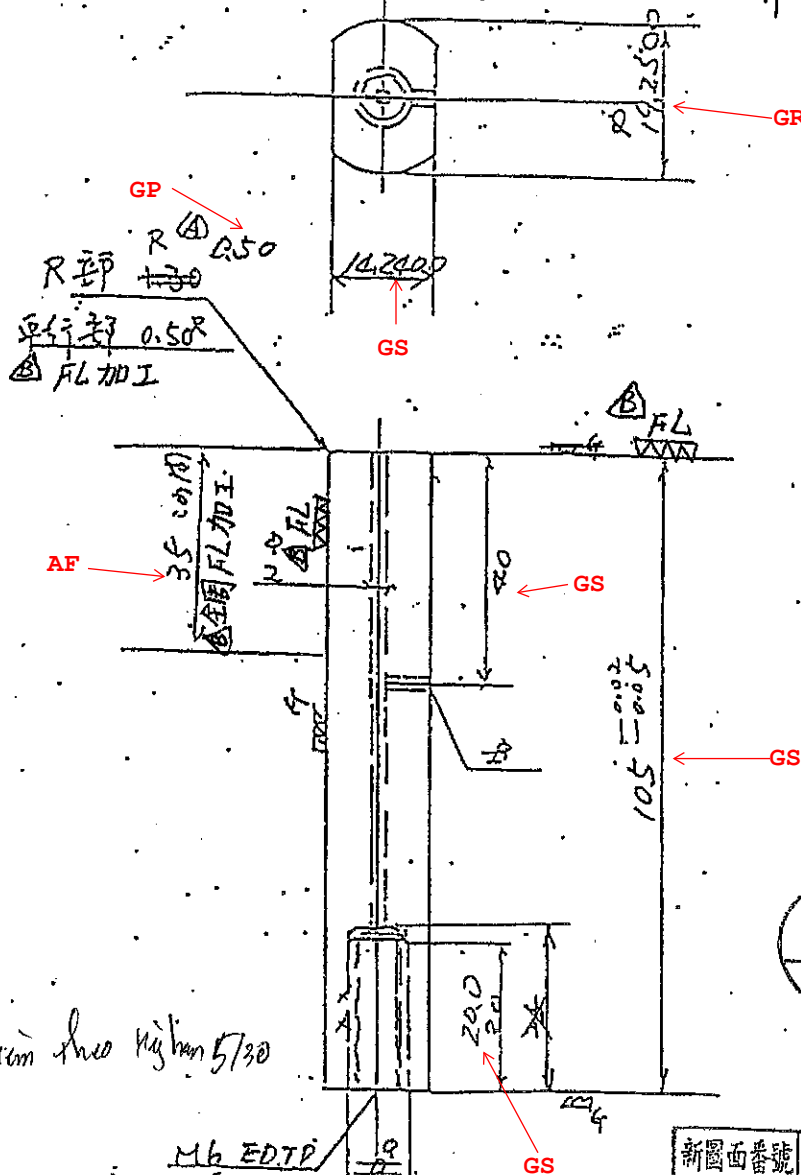
6/29

PO BTP: N212G0130T

KH: 2021/05/30

L611101034³⁵

IP



Hang Kim theo Nghan 5/30

M6 EDTP

出図
2005.10.06
TWM
設備設計課

新圖面番號 S059015

抽製沖頭

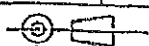
原図 1-053

圖面番號	TM 04-008M-00-1-053-CA	原図	B
------	------------------------	----	---

加工公差表示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000 ⁻⁰	+0.005 -0
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00 ⁻⁰	+0.01 -0
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0.1 -0
		0.0 ⁻⁰	+0.1 -0

WC (D30/HIP)		1#
材	質	数/台 担当
熱処理	焼入 焼戻 HRC	
表面処理		
尺 度	/ (/)	

公差表示されている場合は、それを優先する



部品名

光3鏡1125

931023-53
FK-180SH オペス
光3鏡11 型
不渡
日付 承認

Det. Van Thien Nam

SNO: **S059015**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S059015	GR:150 GS:150 GP:40 AF:30 KT